

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2020
“V/v tranh chấp về hôn nhân gia
đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài
sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020, về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện T, Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Đặng Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện T, Đồng Tháp.

(Chị N có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Bà và ông T quen biết nhau, qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đến với nhau và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung với nhau

hạnh phúc, nhưng thời gian vài năm sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không khí gia đình căng thẳng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng tình trạng không thay đổi được mà ngày càng trầm trọng. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Văn T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Đặng Thị Bảo Y, sinh ngày 22/3/1991 và Đặng Ngọc H, sinh ngày 07/02/2001.

Hiện hai con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà N không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Đặng Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không cung cấp văn bản ý kiến.*

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1. Giấy chứng minh nhân dân (Bản photo);
2. Sổ hộ khẩu (Bản photo);
3. Giấy khai sinh (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Văn T, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *“Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”*.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 3, xã K, huyện T, Đồng Tháp; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N trình bày bà và ông T cưới nhau năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã. Vợ chồng đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng tình trạng không thay đổi được mà ngày càng trầm trọng. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Văn T.

Về phía bị đơn ông Đặng Văn T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho bà N và ông T hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông T từ chối nhận văn bản và vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn cố tình vắng mặt đều này thể hiện sự thiếu trách nhiệm của ông T đối với cuộc hôn nhân, không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Đặng Văn T là có căn cứ nên chấp nhận. Nhưng do bà N và ông T không có đăng ký kết hôn nên vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1.....

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận bà N và ông T là vợ chồng.

[4] Về quan hệ nuôi con: Do các con của bà N và ông T đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông từ chối nhận và cũng không có văn bản ý kiến. Xem như ông thông nhất như lời trình bày của bà N. Tài sản hai bên tự thỏa thuận, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ nợ: Không có.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim N và ông Đặng Văn T là vợ chồng.

2. Về quan hệ nuôi con: Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000396 ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thập Mười. Bà N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thanh Tuấn